

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho Khoa Hóa học năm học 2026-2027, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- 1. Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
- Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 29 tháng 06 năm 2026.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 29 tháng 06 năm 2026.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **120 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
 - Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).
5. Thành phần hồ sơ báo giá:
- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
 - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
 - Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
6. Các thông tin khác:
- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
 - Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...
- Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
1	AgNO ₃	7761-88-8	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.8% pH 5 - 6 . Chloride (Cl) ≤0.001 % . Hàm lượng Fe ≤0.0004 % . Hàm lượng Pb ≤0.001 %	100g/chai	1
2	Methanol HPLC	A452-4	Fisher		Chai 4L	1
3	HNO ₃	1004562500	Merck		chai 2.5L	1
4	Methanol HPLC	A452-4	Fisher		Chai 4L	6
5	Methanol HPLC	A452-4	Fisher		Chai 4L	2
6	Methanol HPLC	A452-4			Chai 4 L	2
7	Cobalt (II) chloride hexahydrate CoCl ₂ .6H ₂ O				Chai 100 gam	3
8	Potassium ferricyanide K ₃ Fe(CN) ₆				Chai 500g	1
9	Sulfuric acid H ₂ SO ₄ 95 - 98%	AC20701000	Scharlau		Chai 1L	2
10	Methanol		Xilong Scientific		c/500 mL	1
11	Diethyl ether	60-29-7	Chemsol	Nồng độ 99%	c/ 500 mL	1
12	Toluene		Chemsol	Nồng độ 99,5%	c/ 500 mL	1
13	Benzaldehyde	8017560500	Sigma-Aldrich		c/ 500 mL	1
14	AcOH tinh khiết	64-19-7	Xi Long	Nồng Độ 99,5%	c/ 500 mL	1
15	Aniline, 99+%, ACS reagent	423425000	ThermoScientific	Độ tinh khiết: 99,5% Chất lỏng trong suốt màu vàng đến nâu đỏ	c/500 mL	1
16	Potassium permanganate, reagent grade ACS - KMnO ₄	PO03310500	Scharlau		c/500 g	1
17	Silver Nitrate AgNO ₃		Xilong		chai 100 g	1
18	Cyclohexene	8028240500	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: ≥ 99.0%. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1
19	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific		Chai/ 500 ml	1
20	Formaldehyde		Xilong Scientific		Chai/ 500 ml	1
21	Aceton 99%, C ₃ H ₆ O	67-64-1	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết ≥99%	Chai/ 500 ml	10

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
				Dạng vật chất: Lỏng		
22	Acetone		Chemsol		Chai 500ml	10
23	Silver Nitrate AgNO3		Xilong		chai 100 g	2
24	Cyclohexene	8028240500	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1
25	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific		Chai/ 500 ml	1
26	Formaldehyde		Xilong Scientific		Chai/ 500 ml	1
27	Aceton 99%, C3H6O	67-64-1	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết $\geq 99\%$ Dạng vật chất: Lỏng	Chai/ 500 ml	5
28	Silver Nitrate AgNO3		Xilong		chai 100 g	1
29	Cyclohexene	8028240500	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1
30	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific		Chai/ 500 ml	1
31	Formaldehyde		Xilong Scientific		Chai/ 500 ml	1
32	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	1
33	Potassium permanganate, reagent grade ACS - KMnO ₄	PO03310500	Scharlau		c/500 g	1
34	Potassium Peroxydisulfate, K ₂ S ₂ O ₈		TQ		c/500 g	1
35	Bình tia acetone		Azlon		Cái	1
36	Metahnol HPLC	A452-4	Fisher		Chai 4 L	4
37	Methanol 500 mL		Xilong Scientific		c/500 mL	1
38	Toluene 500 mL		Chemsol	Nồng độ 99,5%	c/ 500 mL	1
39	Silver Nitrate AgNO3		Xilong		chai 100 g	1
40	Cyclohexene	8028240500	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1
41	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific		Chai/ 500 ml	1
42	Silver Nitrate AgNO3		Xilong		chai 100 g	2
43	Cyclohexene	8028240500	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$.	500ml/chai	1

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng
				Tỷ trọng 0.810-0.811		
44	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific		Chai/ 500 ml	2
45	AgNO3 (PA)	7761-88-8	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$ pH 5 - 6 . Chloride (Cl) $\leq 0.001\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0004\%$. Hàm lượng Pb $\leq 0.001\%$	100g/chai	1
46	1,8-Octanediol, 98%	129381000	ThermoScientific/ ACROS		c/100 g	1
47	Metahnol HPLC	A452-4	Fisher		Chai 4 L	8
48	AgNO3	7761-88-8	Xi Long	Độ tinh khiết: 99,8%	chai 100g	1
49	AgNO3 (PA)	7761-88-8	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$ pH 5 - 6 . Chloride (Cl) $\leq 0.001\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0004\%$. Hàm lượng Pb $\leq 0.001\%$	100g/chai	1
50	AgNO3 (PA)	7761-88-8	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.8\%$ pH 5 - 6 . Chloride (Cl) $\leq 0.001\%$. Hàm lượng Fe $\leq 0.0004\%$. Hàm lượng Pb $\leq 0.001\%$	100g/chai	2
51	Silver Nitrate AgNO3		Xilong		chai 100 g	1
52	Cyclohexene	8028240500	Merck	Phần trăm độ tinh khiết: $\geq 99.0\%$. Tỷ trọng 0.810-0.811	500ml/chai	1
53	Aniline, 99+%, ACS reagent		ThermoScientific		Chai/ 500 ml	1
54	Formaldehyde		Xilong Scientific		Chai/ 500 ml	1
55	Aceton 99%, C3H6O	67-64-1	Xilong	Phần trăm độ tinh khiết $\geq 99\%$ Dạng vật chất: Lỏng	Chai/ 500 ml	10
56	Acetone		Chemsol		Chai 500ml	10
57	Acetone	117.801.403	GHTECH	Nồng độ 99,5%	Chai 500mL	21
58	Acetone Công nghiệp				lít	40
59	Acetone	117.801.403	GHTECH	Nồng độ 99,5%	Chai 500mL	21

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành